

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG
Bản án số: 217/2023/HS-ST

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày 07-12-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Luyện

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hiền

Ông Hoàng Văn Tấn

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Việt Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 07/12/2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 185/2023/HSST ngày 23 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 190A/2023/HSST-QĐ ngày 08/11/2023, đối với bị cáo:

Họ và tên: Vũ Trọng D, sinh năm 1989; giới tính: Nam; tên gọi khác: không.

Nơi cư trú: Số nhà H H, phường H, quận L, thành phố Hải Phòng.

Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; con ông: Vũ Trọng D1 và bà Đặng Thị H; có vợ là Trần Quỳnh A và có 02 con; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 19/01/2012, bị TAND thành phố Hải Phòng xử phạt 12 năm tù giam về tội “*Giết người*”, chấp hành xong bản án ngày 30/01/2019.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 01/6/2023 đến ngày 10/6/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại. (Có mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1976 (Vắng mặt)

Địa chỉ: T, xã T, huyện L, Bắc Giang

2. Chị Thân Thị A1, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố Hoàng Mai 3, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

3. Anh Nguyễn Xuân D2, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Việt Tiến, xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, Bắc Giang

4. Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1975 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Cầu, xã Tân Mỹ, thành phố Bắc Giang, Bắc Giang

5. Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1985 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện V, Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 7 năm 2022, Vũ Trọng D cùng Tạ Thành T3, sinh năm 1989 ở phường với D và một số người bạn khác đến thuê nhà ở tại khu B, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh để mua bán thiết bị vệ sinh. Quá trình làm việc, D thấy nhiều người có nhu cầu vay tiền nên D cho người khác vay tiền với lãi suất nặng để hưởng lợi. D quy định sẽ cắt lãi ngay vào số tiền khách vay bằng 20% tổng số tiền khách vay và khách vay phải trả một khoản tiền phí làm hồ sơ vay tiền, đồng thời người vay phải trả tiền gốc hàng ngày và thanh toán theo thời gian 40 ngày hoặc 50 ngày; mỗi ngày đóng đều nhau cho đến khi đủ tiền gốc. Trên thực tế, D không làm hồ sơ vay tiền, tiền phí làm hồ sơ vay là do D nài ra để lấy tiền của khách vay tiền. Việc giao nhận tiền giữa D và người vay tiền được thực hiện qua giao dịch chuyển khoản ngân hàng hoặc tiền mặt. Bằng hình thức trên, D đã cho 05 người vay tiền với mức lãi nặng để hưởng lợi, cụ thể:

* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1976, trú tại thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang có mối quan hệ quen biết với Vũ Trọng D. Ngày 21/4/2023, anh T đã sử dụng số điện thoại 0988.004.781 của anh T gọi đến số điện thoại 0867.948.010 của D để vay số tiền 20.000.000 đồng trong thời hạn 40 ngày. D đồng ý cho anh T vay với hình thức bóc bát họ, lãi 4.000.000 đồng, thời hạn 40 ngày (tương đương 182,5%/năm), tiền làm hồ sơ vay là 200.000 đồng. Số tiền lãi, tiền làm hồ sơ và tiền gốc ngày đầu tiên vay được trừ luôn vào tiền gốc khi vay tiền. Tiền gốc được trả trong thời hạn 40 ngày, mỗi ngày anh T phải trả cho D số tiền 500.000 đồng. Sau đó, D sử dụng tài khoản ngân hàng số 2810511989 của D mở tại ngân hàng T6 chuyển số tiền cho anh T vay 10.800.000 đồng vào tài khoản ngân hàng số 2107040002578 của anh T mở tại ngân hàng P, số tiền còn lại trừ vào số nợ vay trước đó. Sau khi nhận tiền vay, anh T đã chuyển trả tiền gốc cho D qua tài khoản ngân hàng là 500.000 đồng/ ngày. Đến ngày 30/5/2023, anh T đã thanh toán hết cho D số tiền đã vay. Tổng số tiền D hưởng lợi từ khoản tiền cho anh T vay với lãi nặng là 3.761.700đồng, trong đó tiền lãi từ vay lãi nặng 3.561.700đồng, tiền hồ sơ 200.000đồng.

* Chị Thân Thị A1, sinh năm 1988, trú tại tổ dân phố H, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang có mối quan hệ quen biết với Vũ Trọng D. Từ khoảng tháng 4/2023, chị A1 đã nhiều lần sử dụng số điện thoại 0352.128.218 của chị A1 liên hệ đến số điện thoại 0867.948.010 của D để vay tiền. Ngày 17/5/2023, do chưa trả hết tiền vay, chị A1 tiếp tục vay D số tiền 40.000.000 đồng để đáo hạn số tiền vay trước đó và vay thêm tiền trong thời hạn 40 ngày. D cho chị A1 vay tiền với hình thức bóc bát họ, tính lãi 8.000.000 đồng trên tổng số tiền vay (40.000.000 đồng) trong thời hạn 40 ngày (tương đương lãi suất 182,5%/năm), và trừ luôn tiền làm hồ sơ vay là 400.000 đồng. Số tiền lãi, tiền làm hồ sơ và tiền gốc ngày đầu tiên vay được trừ luôn vào tiền gốc khi vay tiền. Tiền gốc được trả trong 40 ngày, mỗi ngày chị A1 phải trả cho D 1.000.000 đồng. Sau đó, D sử dụng tài khoản ngân hàng số 6515998999 và số 2810511989 của D mở tại ngân hàng T6 chuyển số tiền 15.100.000 đồng cho vay vào tài khoản ngân hàng số 0731000564136 của chị A1 mở tại ngân hàng V, số tiền còn lại trừ vào số nợ vay trước đó. Chị A1 sử dụng số tài khoản V nêu trên và số tài khoản 0352128218 của chị A1 mở tại Ngân hàng M để chuyển trả tiền gốc cho D: Ngày 20/5/2023 trả 2.000.000 đồng, ngày 23-25/5/2023 mỗi ngày trả 1.000.000 đồng, ngày 29/5/2023 trả 3.000.000 đồng (chuyển 3 lần, mỗi lần 1.000.000 đồng), ngày 30/5/2023 trả 3.000.000 đồng (1 lần chuyển 1.000.000 đồng, 1 lần chuyển 2.000.000 đồng). Tổng số tiền D hưởng lợi từ khoản tiền cho chị A1 vay lãi nặng là **7.523.280 đồng, trong đó tiền lãi từ khoản vay lãi nặng 7.123.280 đồng, tiền hồ sơ 400.000 đồng.**

* Anh Nguyễn Xuân D2, sinh năm 1984, trú tại thôn V, xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang có mối quan hệ quen biết xã hội với Vũ Trọng D. Từ khoảng năm 2021, anh D2 đã nhiều lần sử dụng số điện thoại 0983.055.397 của anh D2 liên lạc đến số điện thoại 0867.948.010 của D để vay tiền. Ngày 27/5/2023, do chưa trả được hết tiền nợ trước đó, anh D2 liên hệ hỏi vay D số tiền 120.000.000 đồng để đáo hạn số tiền vay trước và vay thêm tiền trong thời hạn 50 ngày. D đồng ý cho anh D2 vay tiền với hình thức bóc bát họ, tính lãi 24.000.000 đồng trên tổng số tiền vay trong thời hạn 50 ngày (tương đương lãi suất 145,8%/năm) và trừ 1.200.000 đồng tiền hồ sơ vay nợ nhưng trên thực tế D không làm hồ sơ vay nợ. Số tiền lãi, tiền làm hồ sơ và tiền gốc ngày đầu tiên vay được trừ luôn vào tiền gốc khi vay tiền. Tiền gốc được trả trong 50 ngày, mỗi ngày anh D2 phải trả cho D 2.400.000 đồng. Sau đó, D sử dụng số tài khoản ngân hàng số 2810511989 của D mở tại ngân hàng T6 chuyển số tiền 23.000.000 đồng cho vay đến số tài khoản ngân hàng số 160823119 của anh D2 mở tại ngân hàng V1, số tiền còn lại trừ vào số nợ vay trước đó. Trong ngày 29/5/2023 và 30/5/2023 anh D2 đã sử dụng số tài khoản để trả cho D số tiền 2.400.000 đồng/1 ngày. Tổng số tiền D hưởng lợi từ khoản vay lãi nặng của anh D2 là 21.912.500 đồng (trong đó tiền lãi từ khoản vay lãi nặng 20.712.500 đồng, tiền hồ sơ 1.200.000 đồng).

* Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1975, trú tại thôn C, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang có mối quan hệ quen biết với Vũ Trọng D. Ngày 27/5/2023, anh T1 sử dụng số điện thoại 0969.317.686 của anh T1 gọi điện đến số điện thoại 0867.948.010 của D để vay số tiền 25.000.000 đồng trong thời hạn 50 ngày. D đồng ý cho anh T1 vay tiền với hình thức bốc bát họ, tính lãi 5.000.000 đồng trên tổng số tiền vay, thời hạn vay 50 ngày (tương đương lãi suất 146%/năm) và trừ luôn tiền làm hồ sơ vay là 250.000 đồng. Số tiền lãi, tiền làm hồ sơ và tiền gốc ngày đầu tiên vay được trừ luôn vào tiền gốc khi vay tiền. Tiền gốc được trả trong 40 ngày, mỗi ngày anh T1 phải trả D 500.000 đồng. Sau đó, D gặp anh T1 ở khu vực gần cầu M, thành phố B đưa cho anh T1 13.550.000 đồng tiền mặt và sử dụng tài khoản ngân hàng số 105877344828 của D mở tại ngân hàng V2 chuyển số tiền vay còn lại vào tài khoản số 100004458601 của anh T1 mở tại ngân hàng V2 số tiền 5.700.000 đồng. Từ ngày 28/5/2023 đến ngày 30/5/2023, anh T1 đã chuyển khoản trả cho D số tiền 500.000 đồng/1ngày. Tổng số tiền D hưởng lợi từ khoản tiền cho anh T1 vay với lãi nặng là 4.565.000 đồng, trong đó tiền lãi từ vay lãi nặng 4.315.000 đồng, tiền hồ sơ 250.000đồng.

* Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1985, trú tại thôn N, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang có mối quan hệ quen biết Vũ Trọng D. Từ khoảng đầu tháng 5/2023, anh T2 sử dụng số điện thoại 0982.753.522 có đăng ký tài khoản Zalo liên hệ đến tài khoản Zalo có số điện thoại 0338.658.495 của D, và liên hệ với số điện thoại 0867.948.010 của D để vay tiền nhưng chưa trả hết nợ. Ngày 29/5/2023, anh T2 gọi điện thoại cho D vay số tiền 40.000.000 đồng, thời hạn 40 ngày để đáo hạn số tiền vay trước đó và vay thêm tiền. D đồng ý cho anh T2 vay tiền với hình thức bốc bát họ, tính lãi 8.000.0000 đồng, thời hạn vay 40 ngày (tương đương lãi suất 182,5%/năm), tiền làm hồ sơ vay là 400.000 đồng. Số tiền lãi, tiền làm hồ sơ và tiền gốc ngày đầu tiên vay được trừ luôn vào tiền gốc khi vay tiền. Mỗi ngày anh T2 phải trả cho D 1.000.000 đồng tiền gốc trong thời hạn vay. Sau đó, D sử dụng tài khoản ngân hàng số 2810511989 của D mở tại ngân hàng T6 chuyển số tiền 9.600.000 đồng cho vay vào tài khoản ngân hàng số 619023636 của anh T2 mở tại ngân hàng M, số tiền còn lại trừ vào số nợ vay trước đó. Trong ngày 30/5/2023 anh T2 đã chuyển khoản trả cho D số tiền 1.000.000 đồng. Tổng số tiền D hưởng lợi từ khoản cho anh T2 vay tiền với lãi nặng là **7.523.280 đồng, trong đó tiền lãi từ khoản vay lãi nặng 7.123.280đồng, tiền hồ sơ 400.000 đồng.**

Ngày 31/5/2023, sau khi tiếp nhận đơn trình báo của anh Đỗ văn T4, sinh năm 1981, trú tại tổ dân phố P, thị trấn N, huyện V về việc ngày 09/5/2023, bị Tạ Thành T3 đánh gây thương tích do anh T4 có mâu thuẫn với T3 trong việc trả tiền vay nợ của T3 trước đó, khi bị đánh có D đi cùng; Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện V đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của T3, D tại khu B, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Kết quả khám xét thu giữ: của T3 01 điện thoại di động Iphone 13 promax; của D 01 điện thoại di động Iphone 14 promax, 01 điện thoại di động Iphone

7 và số tiền 2.360.000 đồng; ngoài ra còn thu giữ một số đồ vật khác liên quan đến hành vi cố ý gây thương tích.

Ngày 01/6/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện V triệu tập D để làm rõ việc mâu thuẫn đánh nhau khi đòi tiền của T3 với T5 thì Vũ Trọng D đã đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi cho người khác vay tiền với lãi nặng để hưởng lợi như trên.

Ngày 11/6/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện V tiến hành kiểm tra điện thoại thu giữ của T3, D thể hiện: điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax không có nội dung liên quan đến vụ án. Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax của D gắn sim số 0815.051.189: tại mục ứng dụng Internetbanking của ngân hàng T6 phát hiện có nội dung giao dịch chuyển khoản từ các tài khoản của D liên quan đến việc chuyển khoản giữa D và những người bị hại vay- trả tiền. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V tiến hành chụp ảnh màn hình và in ra giấy A4 các giao dịch này và cho bị can ký xác nhận (Bút lục 997-1096). Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 của D gắn sim số 0867.948.010, không thu giữ được tài liệu gì.

Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện V tiến hành tra cứu thông tin chủ tài khoản ngân hàng và in sao kê giao dịch chuyển tiền tại ngân hàng liên quan đến việc D cho người khác vay tiền với lãi suất nặng, xác định được:

Số tài khoản 2810511989 là của Vũ Trọng D, mở tại ngân hàng Thương mại cổ phần K- T6. Tháng 5/2023 có các giao dịch nhận tiền do anh Nguyễn Xuân D2, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn T chuyển đến.

Số tài khoản 19036398171018 là của Vũ Trọng D, mở tại ngân hàng Thương mại cổ phần K- T6. Ngày 30/5/2023 có giao dịch nhận tiền do anh Nguyễn Văn T1 chuyển đến (Bút lục 724). Số tài khoản 6515998999, là của Vũ Trọng D mở tại ngân hàng Thương mại cổ phần K- T6. Từ ngày 15/5/2023 đến 30/5/2023 có các giao dịch nhận tiền do chị Thân Thị A1 chuyển đến.

Số tài khoản 160823119 là của anh Nguyễn Xuân D2, mở tại ngân hàng Thương mại cổ phần V3- V1. Ngày 29, 30/5/2023 có giao dịch chuyển tiền đến số tài khoản 2810511989 của Vũ Trọng D.

Số tài khoản 0731000564136 là của chị Thân Thị A1, mở tại ngân hàng Thương mại cổ phần N- V. Ngày 17/5/2023 có giao dịch nhận tiền và ngày 30/5/2023 có giao dịch chuyển tiền đến số tài khoản 6515998999 của Vũ Trọng D.

Số tài khoản 100004458601 là của anh Nguyễn Văn T1, mở tại ngân hàng Thương mại cổ phần C- V2. Ngày 29, 30/5/2023 có giao dịch chuyển tiền đến số tài khoản 19036398171018 của Vũ Trọng D.

Số 2107040002578 là của anh Nguyễn Văn T, mở tại, ngân hàng Thương mại cổ phần X- P. Từ 24/4/2023 đến ngày 29/5/2023 có giao dịch chuyển tiền đến số tài khoản 2810511989 của Vũ Trọng D.

Cơ quan điều tra tiến hành tra cứu thông tin thuê bao các số điện thoại liên lạc với Vũ Trọng D để vay tiền xác định được: Số điện thoại 0867.948.010 D sử dụng có liên lạc với các số điện thoại 0983.055.397 của anh Nguyễn Xuân D2, số điện thoại 0352.128.218 của chị Thân Thị A1, số điện thoại 0982.753.522 của anh Nguyễn Văn T2, số điện thoại 0969.317.686 của anh Nguyễn Văn T1 và số điện thoại 0988.004.781 của anh Nguyễn Văn T trong thời gian vay, trả tiền như nêu trên.

Bản cáo trạng số: 177/CT-VKS ngày 13/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên truy tố bị cáo Vũ Trọng D về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng nêu.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố trình bày luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố tại bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Vũ Trọng D từ 60.000.000đ đến 70.000.000đ sung ngân sách nhà nước về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”,

Ngoài ra Viện kiểm sát còn đề nghị vật chứng và án phí.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Vũ Trọng D đã hoàn toàn khai nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ do Cơ quan điều tra thu thập. Do đó có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày ngày 21/4/2023 đến ngày 29/5/2023, Vũ Trọng D, có hành vi cho vay lãi nặng thông qua hình thức chuyển khoản và chuyển tiền mặt cho 05 người bị hại, cụ thể: anh Nguyễn Xuân D2 vay số tiền 120.000.000 đồng, thời hạn 50 ngày, tiền lãi 24.000.000 đồng (tương đương lãi suất 145,8% gấp 7,42

lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự), tiền hồ sơ 1.200.000đồng. Chị Thân Thị A1 vay số tiền 40.000.000 đồng, thời hạn 40 ngày, với tiền lãi 8.000.000 đồng (tương đương lãi suất 182,5% gấp 9,13 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự), tiền hồ sơ 400.000đồng. Anh Nguyễn Văn T2 vay số tiền 40.000.000 đồng, thời hạn 40 ngày (tương đương lãi suất 182,5% gấp 9,13 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự), tiền hồ sơ 400.000đồng. Anh Nguyễn Văn T1 vay số tiền 25.000.000 đồng, thời hạn 50 ngày (tương đương lãi suất 146% gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự), tiền hồ sơ 250.000đồng. Anh Nguyễn Văn T vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn 40 ngày tương (tương đương lãi suất 182,5% gấp 9,13 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự), tiền hồ sơ 200.000đồng. Tổng số tiền D thu lời bất chính của 5 bị hại từ khoản tiền cho vay lãi nặng là 45.277.500 đồng, trong đó tiền lãi nặng 42.827.500 đồng, tiền hồ sơ 2.450.000 đồng.

Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo D đủ độ tuổi và năng lực chịu trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý nên đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*". Như vậy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên đã truy tố Vũ Trọng D về tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*" theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, qua đó xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người vay.

[3] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Hội đồng xét xử thấy.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố bị cáo D đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đầu thú do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Từ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo nêu trên, Hội đồng xét xử thấy:

Bị cáo cho vay lãi nặng với mục đích thu lời bất chính do đó căn cứ Khoản 2 Điều 3 Nghị quyết 01/2021/HĐTP- TANDTC ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì cần áp dụng nghiêm khắc hình phạt tiền là hình phạt chính đối với người thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Do đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với bị cáo nên hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động Iphone 14 Promax; 01 điện thoại di động Iphone 7 là tài sản của bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước; số tiền 2.360.000đ là của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho bị cáo nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[7] Về biện pháp tư pháp:

[7.1] Đối với số tiền bị cáo D cho các đối tượng vay lãi nặng bị cáo D đã được trả lại: 20.000.000đ của anh Nguyễn Văn T; 12.000.000đ của chị Thân Thị A1; 7.200.000đ của Nguyễn Xuân D2; 2.000.000đ của Nguyễn Văn T1; 2.000.000đ của Nguyễn Văn T2, tổng cộng là 43.200.000đ đây là công cụ phương tiện phạm tội nên cần buộc bị cáo nộp lại tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[7.2] Đối với số tiền gốc những người vay chưa trả đủ cho bị cáo Vũ Trọng D, đây là tiền bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần buộc những người vay phải nộp lại để sung ngân sách nhà nước cụ thể như sau:

Chị Thân Thị A1 số tiền 28.000.000đ; Nguyễn Xuân D2 112.800.000đ; Nguyễn Văn T1 23.000.000đ; Nguyễn Văn T2 38.000.000đ.

[7.3] Đối với số tiền lãi không vượt quá 20%/năm bị cáo D thu được của Thân Thị A1 là 876.720đ, Nguyễn Xuân D2 3.287.500đ, Nguyễn Văn T1 685.000đ, Nguyễn Văn T2 876.720đ, Nguyễn Văn T là 438.300đ tổng cộng là 6.164.240đ đây là số tiền bị cáo có được do phạm tội mà có do vậy cần buộc bị cáo nộp lại sung ngân sách nhà nước.

[7.4] Đối với số tiền bị cáo D thu là tiền hồ sơ, bị cáo xác định đây là tiền lãi thực tế D không phải làm hồ sơ do đó số tiền lãi vượt quá 20%/năm của những người vay: chị Thân Thị A1 là 7.523.280đ, anh Nguyễn Xuân D2 là 21.912.500đ, Nguyễn Văn T1 là 4.565.000đ; Nguyễn Văn T2 là 7.523.280đ, Nguyễn Văn T là 3.761.700đ

Anh T1, anh T2 yêu cầu bị cáo trả lại do vậy cần buộc bị cáo trả lại cho anh T2 và anh T1; chị A1, anh T và anh D2 không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Đối với đối tượng T3 không liên quan đến hành vi của D cho người khác vay tiền với lãi suất nặng nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Việc anh T4 bị T3 đánh gây thương tích, D không tham gia, không liên quan đến việc vay tiền của anh T4 với T3; đồng thời việc đánh người khi mâu thuẫn trong đòi nợ của T3 được xử lý bằng vụ án khác nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự; Điều 331; Điều 333, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Xử phạt: Vũ Trọng D 70.000.000đ sung ngân sách nhà nước về tội “*Cho vay lãi nặng*” sung ngân sách nhà nước.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a, điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự. điểm a, điểm b khoản 2, điểm a, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động Iphone 14 Promax; 01 điện thoại di động Iphone 7; trả lại bị cáo Vũ Trọng D số tiền 2.360.000đ nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Truy thu buộc bị cáo Vũ Trọng D nộp lại số tiền: 43.200.000đ (số tiền bị cáo D cho các đối tượng vay lãi nặng bị cáo D đã được trả lại: 20.000.000đ của anh Nguyễn Văn T; 12.000.000đ của chị Thân Thị A1; 7.200.000đ của Nguyễn Xuân D2; 2.000.000đ của Nguyễn Văn T1; 2.000.000đ của Nguyễn Văn T2) và 6.164.240đ (tiền lãi không vượt quá 20%/năm bị cáo D thu được của Thân Thị A1 là 876.720đ, Nguyễn Xuân D2 3.287.500đ, Nguyễn Văn T1 685.000đ, Nguyễn Văn T2 876.720đ, Nguyễn Văn T là 438.300đ), sung ngân sách nhà nước.

Buộc những người sau phải nộp lại tiền để sung ngân sách nhà nước cụ thể như sau:

Chị Thân Thị A1 28.000.000đ; Nguyễn Xuân D2 112.800.000đ; Nguyễn Văn T1 23.000.000đ; Nguyễn Văn T2 38.000.000đ.

Buộc Vũ Trọng D phải trả lại những người sau: Nguyễn Văn T1 là 4.565.000đ; Nguyễn Văn T2 là 7.523.280đ,

+ Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Bị cáo Vũ Trọng D phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Bắc Giang;
- Viện Kiểm Sát ND tỉnh Bắc Giang;
- Viện Kiểm Sát ND huyện Việt Yên;
- Sở Tư pháp;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Công an huyện Việt Yên (CQCSĐT+ CQTHAHS);
- Chi cục thi hành án DS huyện Việt Yên;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- Lưu.

Phạm Hữu Luyện

